

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 232/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Đặng Văn Tâm;
 - Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 506/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 429/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: số C, tổ I, khóm V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: số G, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn L trình bày, qua thời gian tự tìm hiểu nhau, ông L và bà T chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phan Hồ Hải Đ, sinh năm 2002 và chết năm 2020. Sau khi về chung sống, ông L và bà T về chung sống tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh

An Giang và cũng không có đến Ủy ban nhân dân xã L B, cũng như Ủy ban nhân dân xã V để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do thường bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp nên cãi vã. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu ly hôn với bà T, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với cháu Phan Hồ Hải Đ; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn bà Hồ Thị T trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông L về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, thời gian không sống chung và không có đăng ký kết hôn. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T đồng ý ly hôn với ông L; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với cháu Phan Hồ Hải Đ; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của ông Phan Văn L ngày 04/7/2024; Giấy khai sinh số 226, quyển số 02, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã L B cấp đối với Phan Hồ Hải Đ (bản sao); Giấy khai tử số 217, ngày 16/12/2020 do Ủy ban nhân dân xã L B cấp đối với Phan Hồ Hải Đ (bản sao).

- Bị đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ: Tờ tự khai của bà Hồ Thị T ngày 04/7/2024.

Tại phiên tòa:

- Ông L, bà T đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận ông L, bà T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Phan Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hồ Thị T. Đồng thời, bà T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn L và bà Hồ Thị T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Phan Văn L và bà Hồ Thị T xác định do quen biết và tìm hiểu nhau nên cả hai chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại Công văn số 02/UBND-HT ngày 16/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã L B về “Thông tin đăng ký kết hôn” giữa ông L và bà T thì không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của ông L và bà T.

Xét, ông L và bà T chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận ông L và bà T là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông L và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung tên 01 con chung tên Phan Hồ Hải Đ, sinh năm 2002 do cháu Đ đã chết nên không yêu đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà T thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Phan Văn L và bà Hồ Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Phan Văn L và bà Hồ Thị T thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung tên Phan Hồ Hải Đ, sinh năm 2002 do con chung đã chết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015684 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 7 năm 2024; Ông Phan Văn L đã nộp đủ án phí.

Bà Hồ Thị T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Ông Phan Văn L, bà Hồ Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pKhung thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm